

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12/10/2021
V/v Tuyên bố không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Đức và ông Nguyễn Hồng Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Vào hồi 8 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 10 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021 về việc "Tuyên bố không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXX-ST ngày 17 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Y – Sinh năm 1981.

ĐKKHKT: Thôn Tân Ninh Ch, xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Hiện trú tại: Thôn Trường T, xã Đan Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đại H – Sinh năm 1977.

Địa chỉ: thôn Tân Ninh Ch, xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Đặng Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh Trần Đại H tự do tìm hiểu, tổ chức đám cưới theo phong tục ở địa phương bằng tình yêu tự nguyện vào ngày 28/5/2000. Sau khi cưới, các đương sự về chung sống với nhau tại thôn Tân Ninh Châu, xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh từ đó cho đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên đơn một mình về sống tại thôn Trường Tĩnh, xã Xuân Đan, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh và ly thân cho đến nay. Quá trình chung sống với nhau cho đến nay, các bên không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau. Nay tình cảm giữa chị và anh H không còn,

việc hai người tự về chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là không được pháp luật thừa nhận, vì vậy chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Trần Đại H.

Về quan hệ con chung: Quá trình sống chung chị Y và anh H có 2 con chung là cháu Trần Thị Anh Th, sinh ngày 23/11/2001 và cháu Trần Đại Ngh, sinh ngày 04/7/2005. Nếu được ly hôn, nguyện vọng của chị Y là đối với cháu Th đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Trần Đại Ngh từ nhỏ đã ở với anh H nên chị nhường quyền nuôi con cho anh H và chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi cháu Ngh đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Đại H quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được cán bộ Tòa án đến nhà trực tiếp giao các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên anh H không nhận, không ký biên bản và không tham gia các buổi làm việc nên Tòa án không lấy được ý kiến của anh H về các vấn đề trong vụ án, tuy nhiên Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Con chung của chị Y, anh H là cháu Trần Đại Ngh trên 07 tuổi có đơn nguyện vọng xin được ở với bố để ổn định cuộc sống và học tập.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn trốn tránh, không hợp tác là chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn có hôn nhân thực tế nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 28 BLTTDS; Khoản 1 Điều 11, 87 Luật HNGĐ năm 2000; Điều 131 Luật HNGĐ năm 2014; Điểm b, khoản 3 Nghị quyết 35/2000 của Quốc Hội; điểm b, mục 2 thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKNDST-BTP, ngày 03/01/2001: Tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa chị Đặng Thị Y và anh Trần Đại H. Về con chung cháu lớn Trần Thị Anh Th, sinh ngày 23/11/2002 đã trưởng thành không yêu cầu nên miễn xét. Cháu Trần Đại Ngh, sinh ngày 04/7/2005 chấp nhận theo nguyện vọng của nguyên đơn Đặng Thị Y và cháu Nghĩa, giao cháu Nghĩa cho anh Trần Đại H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Đặng Thị Y cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho anh Nghĩa. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu miễn xét. Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tuyên bố không công nhận vợ chồng” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn cư trú tại xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trần Đại H vắng mặt không có lý do sau 02 lần mở phiên tòa và được triệu tập hợp lệ, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về tuyên bố không công nhận là vợ chồng:

Theo kết quả xác minh của Tòa án tại UBND xã Đan Trường, UBND xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân tỉnh Hà Tĩnh, gia đình chị Đặng Thị Y, gia đình anh Trần Đại H và các tài liệu do chị Đặng Thị Y cung cấp thể hiện: Chị Đặng Thị Y và anh Trần Đại H tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2000 và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000 cho đến năm 2012 thì ly thân, quá trình sống chung đến nay, vợ chồng có 02 con chung và không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mặc dù chị Đặng Thị Y và anh Trần Đại H đủ điều kiện để đăng ký kết hôn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích cũng như mời bị đơn làm việc để hòa giải giúp vợ chồng hóa giải mâu thuẫn trở về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình, thực hiện đăng ký kết hôn nhưng bị đơn anh Trần Đại H không hợp tác. Như vậy có thể thấy anh H thực sự không coi trọng cuộc hôn nhân với chị Y, không mong muốn cũng như không có phương án để giải quyết mâu thuẫn xây dựng hạnh phúc gia đình. Như vậy, đối chiếu các quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình qua các thời kỳ quy định tại Luật hôn nhân gia đình năm 2000, 2014, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm b, mục 2 thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKNDST-BTP, ngày 03/01/2001 thì việc sống chung của các bên đương sự không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu không công nhận là vợ chồng của chị Y là có căn cứ, phù hợp với nên chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Y.

[2.2] Về con chung: Cháu Trần Đại Ngh có nguyện vọng xin được ở với bố, bị đơn chị Đặng Thị Y cho rằng từ trước đến nay cháu Ngh đều ở với bố nên chị tự nguyện nhường quyền nuôi con cho anh H và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng tính từ tháng 10/2021. Bị đơn không hợp tác để nêu quan điểm của mình, tuy nhiên mẹ ruột của bị đơn là bà Lê Thị T mong muốn con trai bà (anh H) được nuôi dưỡng cháu Ngh. Qua xác minh của Tòa án tại UBND xã Xuân Hội và thôn Tân Ninh Châu, xã Xuân Hội khẳng định cháu Trần Đại Ngh từ trước đến nay đều ở với bố, việc giao cháu Ngh cho anh H nuôi dưỡng sẽ đảm bảo điều kiện học tập, sinh hoạt của cháu vì anh H làm nghề tự do có thu nhập để đảm bảo điều kiện sinh hoạt và học tập của cháu. Qua xác minh tại Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên huyện Nghi Xuân thấy rằng quá

trình học tập tại trường cháu nghĩa luôn chấp hành đầy đủ nội quy của trung tâm, là học sinh ngoan, lễ phép. Bố cháu Ngh là anh Trần Đại H luôn phối hợp cùng nhà trường chăm sóc dạy dỗ cháu. Như vậy có thể khẳng định việc giao cháu Trần Đại Ngh cho anh Trần Đại H chăm sóc nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt trong sinh hoạt, học tập của cháu Ngh và phù hợp với nguyện vọng của cháu nên HĐXX chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Đặng Thị Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng tính từ tháng 10/2021, anh H không trình bày ý kiến về vấn đề này, tuy nhiên xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn không trái pháp luật hơn nữa đây là trách nhiệm, nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của chị Y.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Đặng Thị Y là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình nên phải nộp án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm b, mục 2 Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKNDST-BTP, ngày 03/01/2001;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Đặng Thị Y và anh Trần Đại H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Đại Ngh, sinh ngày 04/7/2005 cho anh Trần Đại H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đặng Thị Y cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) tính từ tháng 10 năm 2021, phương thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi cháu Ngh đủ 18 tuổi. Chị Y có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị Y phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí nghĩa vụ cấp dưỡng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007548 ngày 05 tháng 8 năm 2021 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Đặng Thị Y phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- Chi cục THADS huyện Nghi Xuân;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Hội;
- Lưu Hồ sơ; VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký, đóng dấu)

Hoàng Trung Thông